

# MỘT SỐ NÉT TRONG QUAN HỆ NGOẠI THƯƠNG NHẬT BẢN - HÀN QUỐC

NGUYỄN THANH BÌNH\*

Quan hệ ngoại thương giữa Nhật Bản và Hàn Quốc là nét nổi bật nhất trong quan hệ giữa hai nước nói chung và quan hệ kinh tế nói riêng. Có thể nói, kể từ khi hai nước thực hiện trao đổi buôn bán, kim ngạch ngoại thương giữa hai nước luôn gia tăng hàng năm và Nhật Bản luôn là bạn hàng lớn nhất của Hàn Quốc. Tuy nhiên, trong những năm 1950, do hoàn cảnh quốc tế lúc đó cũng như việc Hàn Quốc phải lo đối phó với các vấn đề “quốc nội khác”, đặc biệt do sự yếu kém về vốn và công nghệ đã buộc Hàn Quốc phải nhập khẩu nguyên liệu sản xuất từ Nhật Bản để chế biến xuất khẩu. Điều này dẫn đến tình trạng là cho đến tận hiện nay, Hàn Quốc luôn luôn là bên phải chịu thâm hụt ngoại thương với Nhật Bản. Bài viết này sẽ tập trung phân tích một số đặc trưng chủ yếu trong quan hệ ngoại thương Nhật Bản - Hàn Quốc và đưa ra một số nhận xét về mối quan hệ này.

\*  
\* \*

Từ cuối những năm 1980, thâm hụt ngoại thương của Hàn Quốc với Nhật Bản ngày càng lớn. Ví dụ, năm 1988 con số thâm hụt là 3,8 tỷ USD, năm 1989 là 4,0 tỷ USD và đến năm 1990 đã tăng lên 5,9 tỷ USD. Để giải quyết vấn đề trên, từ đầu thập kỷ 1990 trở đi Chính phủ Hàn Quốc đã đưa ra chính sách phát triển kinh tế mới, đó là việc lợi dụng cơ hội

Chiến tranh lạnh chấm dứt để mở rộng quan hệ kinh tế với các nước mà trước đây Hàn Quốc chưa có quan hệ. Đặc biệt Hàn Quốc đã rất chú trọng vào việc tăng cường quan hệ kinh tế với hai nước lớn ở phương bắc là Trung Quốc và Nga để nhằm giảm bớt sự phụ thuộc kinh tế vào Mỹ và Nhật Bản, bằng việc tăng cường quan hệ kinh tế với hai nước này sẽ tạo ra một tam giác kinh tế Hàn-Trung-Nga để cân bằng với tam giác kinh tế Hàn-Mỹ-Nhật. Có thể nói rằng, chính sách này của Hàn Quốc đã thu được những thành công tốt đẹp, nhất là trong trường hợp với Trung Quốc. Chẳng hạn, trong quan hệ ngoại thương Hàn Quốc-Trung Quốc ta thấy, nếu năm 1989 kim ngạch mậu dịch Hàn Quốc-Trung Quốc mới chỉ đạt 3,1 tỷ USD thì đến năm 2001 con số này đã đạt tới 31,49 tỷ USD, có nghĩa là sau 10 năm kim ngạch mậu dịch Hàn Quốc-Trung Quốc đã tăng gấp 10 lần. Như chúng ta thấy bảng 1, đến năm 2001 xuất khẩu của Hàn Quốc sang Trung Quốc đã đạt 18,2 tỷ USD và Trung Quốc đã vượt Nhật Bản trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Hàn Quốc sau Mỹ. Tuy nhiên, sang năm 2004 thì Trung Quốc đã vượt cả Mỹ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Hàn Quốc với kim ngạch là 49.763 tỷ USD. Nếu xét về nhập khẩu thì Trung Quốc cũng vươn lên là thị trường lớn thứ 3 của Hàn Quốc với kim ngạch là 12,79 tỷ USD, đứng sau Mỹ và Nhật Bản và đến năm 2004 thì Trung Quốc cũng là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của Hàn Quốc chỉ sau Nhật Bản.

\* Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

**Bảng 1: Xuất, nhập khẩu của Hàn Quốc với một số nước và khu vực chủ yếu trong năm 2000-2001**

Đơn vị tính: Triệu USD; %

	XUẤT KHẨU				NHẬP KHẨU			
	Năm 2000	Năm 2001			Năm 2000	Năm 2001		
	Kim ngạch	Kim ngạch	Tỉ lệ cấu thành	tỉ lệ gia tăng	Kim ngạch	Kim ngạch	tỉ lệ cấu thành	tỉ lệ gia tăng
<b>Châu Á</b>	81.093	69.930	46,5	-13,8	70.262	63.085	44,7	-10,2
<i>Nhật Bản</i>	20.466	16.506	11,0	-19,3	31.828	26.633	18,9	-16,3
ASEAN	20.134	16.459	10,9	-18,3	18.173	15.916	11,3	-12,4
Trung Quốc	18.455	18.190	12,1	-1,4	12.799	13.303	9,4	3,9
Bắc Mỹ	40.037	33.247	22,1	-17,0	31.349	24.198	17,1	-22,8
Mỹ	37.611	31.211	20,7	-17,0	29.242	22.376	15,9	-23,5
<b>Châu Âu</b>	28.141	23.958	15,9	-14,9	20.070	18.861	13,4	-6,0
EU	23.424	19.627	13,0	-16,2	15.788	14.921	10,6	-5,5
Anh	5.380	3.490	2,3	-35,1	2.576	2.354	1,7	-8,6
Đức	5.154	4.332	2,9	-16,1	4.625	4.473	3,2	-3,3
Hà Lan	2.658	2.532	1,7	-4,7	1.171	1.017	0,7	-13,2
Trung Đông	7.586	7.138	4,7	-5,9	25.793	23.387	16,6	-9,3
A-rập xê-út	1.262	1.274	0,8	1,0	9.641	8.058	5,7	-16,4
Liên bang								
Á Rập	1.992	2.169	1,4	8,9	4.703	4.633	3,3	-1,5
<b>Trung Nam Mỹ</b>	9.369	9.730	6,5	3,9	3.263	3.445	2,4	5,6
Bra-Xin	1.724	1.611	1,1	-6,6	935	1.126	0,8	20,4
Úc	2.606	2.173	1,4	16,6	5.959	5.534	3,9	-7,1
<b>Châu Phi</b>	2.240	2.966	2,0	32,4	2.841	1.697	1,2	-40,3
Các nước khác	1.195	1.297	0,9	8,5	971	909	0,6	-6,4
<b>Tổng cộng</b>	<b>172.268</b>	<b>150.439</b>	<b>100,0</b>	<b>-12,7</b>	<b>160.481</b>	<b>141.098</b>	<b>100,0</b>	<b>-12,1</b>

Nguồn: Sách trắng đầu tư và ngoại thương Nhật Bản, năm 2002

Tuy nhiên, cho dù tăng cường thúc đẩy quan hệ chính trị và buôn bán với các thị trường mới thì Hàn Quốc vẫn phải coi Nhật Bản là một đối tác quan trọng và là một trong những thị trường chính của mình, và ngược lại đối với Nhật Bản cũng vậy. Chính vì vậy, kể từ

đầu thập kỷ 1990 đến nay, cho dù quan hệ Nhật-Hàn vẫn "gợn sóng" bởi vấn đề sách giáo khoa lịch sử hoặc tranh chấp lãnh thổ thì hai nước vẫn phải tăng cường quan hệ song phương trong các lĩnh vực. Đặc biệt, qua cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Châu Á xảy ra

vào những năm cuối của thập kỷ 1990, Chính phủ Hàn Quốc đã thấy được sự yếu kém về tiềm lực kinh tế của mình nên Hàn Quốc đã đưa ra những chính sách kinh tế mới. Cùng với việc thực hiện các chính sách nhằm thu hút đầu tư nước ngoài để nâng cao trình độ kỹ thuật, tăng cường khả năng cạnh tranh xuất khẩu hàng hoá, Chính phủ Hàn Quốc còn thực hiện chính sách mở rộng quan hệ kinh tế với tất cả các nước. Chẳng hạn, Hàn Quốc đã tiến hành đàm phán với các nước để gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), kí Hiệp định thương mại tự do với Chi-Lê và Singapore. Riêng đối với Nhật Bản, Hàn Quốc đã có những chính sách hết sức táo bạo như tháng 7-1999 phía Hàn Quốc đã bãi bỏ hoàn toàn việc thực hiện “chế độ đa phương hoá nhập khẩu”, mà đây vốn là một trong những chính sách nhằm hạn chế nhập khẩu của Nhật Bản. Tiếp đến năm 1998, trong chuyến thăm Nhật Bản của tổng thống Kim-te-Wo, hai nước đã ra tuyên bố chung Nhật-Hàn xác định hai nước là đối tác chiến lược của nhau trong thế kỷ 21. Đến tháng 3-1999, trong chuyến thăm Hàn Quốc của Thủ tướng Obuchi hai bên đã khẳng định nỗ lực hợp tác trong 5 lĩnh vực là: (1) thúc đẩy đầu tư; (2) hiệp ước thuế; (3) hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn-cấp phép; (4) hợp tác trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ; (5) tổ chức vòng đàm phán tiếp theo về gia nhập WTO. Ngoài ra, hai nước còn kí Hiệp định đầu tư song phương, thành lập diễn đàn mậu dịch tự do Nhật-Hàn để doanh nghiệp hai nước trao đổi ý kiến, kí hiệp định hỗ trợ lẫn nhau về thuế quan v.v... Tiếp đến, tại hội nghị cấp cao của Tổ chức hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương tổ chức tại Thái Lan năm 2003, Nhật Bản và Hàn Quốc đã thoả thuận tiến hành đàm phán để kí hiệp

định thương mại tự do Nhật-Hàn. Tất cả các bước trên đã thúc đẩy quan hệ ngoại thương giữa hai nước phát triển khá nhanh. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán về hiệp định thương mại tự do Nhật-Hàn cũng gặp nhiều khó khăn do: Hàn Quốc cho rằng nếu bãi bỏ hàng rào thuế quan thì các ngành sản xuất trong nước của Hàn Quốc sẽ chịu thiệt hại bởi phải gia tăng nhập khẩu nguyên vật liệu của Nhật Bản và như vậy cũng sẽ làm gia tăng thâm hụt cán cân thương mại vốn đã rất lớn đối với Nhật Bản. Còn phía Nhật Bản cũng thận trọng về những ảnh hưởng gây ra cho ngành sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp của mình.

Không chỉ Nhật Bản chiếm vị trí quan trọng trong ngoại thương của Hàn Quốc mà ngược lại, Hàn Quốc cũng là đối tác ngoại thương lớn của Nhật Bản. Qua bảng 2 ta thấy, cho dù những năm gần đây Trung Quốc đã vượt qua cả Mỹ vươn lên thành bạn hàng số một của Nhật Bản thì Hàn Quốc cũng chiếm vị trí cao, thường đứng ở vị trí thứ ba sau Trung Quốc và Mỹ. Tất nhiên, nếu xét từ tốc độ tăng trưởng, kim ngạch ngoại thương giữa Nhật Bản với Hàn Quốc còn thua xa giữa Nhật Bản với Trung Quốc. Có nhiều lí do dẫn đến tình trạng trên nhưng chủ yếu là do mấy nguyên nhân sau: *Thứ nhất*, đầu tư của Nhật Bản vào Hàn Quốc còn hạn chế nên phần nguyên liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất cho các xí nghiệp do Nhật đầu tư cũng ít. *Thứ hai*, do các mặt hàng cùng chủng loại của Hàn Quốc sản xuất có giá thành cao nên khó cạnh tranh ở thị trường Nhật Bản với hàng sản xuất ở Trung Quốc. Và *Thứ ba* là do phía Hàn Quốc vẫn muốn thi hành chính sách hạn chế nhập khẩu hàng hoá Nhật Bản nhằm giảm bớt sự thâm hụt cán cân thương mại.

**Bảng 2: Một số nước bạn hàng chủ yếu của Nhật Bản**

Đơn vị tính: Trăm triệu USD

TT	2001		2002		2003		2004 (tháng 1 đến tháng 5)	
	Nước	Kim ngạch	Nước	Kim ngạch	Nước	Kim ngạch	Nước	Kim ngạch
1	Mỹ	1948	Mỹ	1760	Mỹ	1740	Mỹ	763
2	Trung Quốc	938	Trung Quốc	1016	Trung Quốc	1324	Trung Quốc	647
3	Hàn Quốc	449	Hàn Quốc	440	Hàn Quốc	525	Hàn Quốc	271
4	Đài Loan	405	Đài Loan	297	Đài Loan	454	Đài Loan	229
5	Đức	296	Hồng Kông	268	Hồng Kông	311	Hồng Kông	204
6	Malaisia	252	Thái	237	Đức	305	Đức	149
7	Thái	235	Úc	223	Thái	278	Thái	133
8	Úc	233	Malaisia	222	Úc	249	Úc	120
9	Indonesia	225	Indonesia	204	Malaisia	237	Malaisia	1-8
10	Singapor	212	Singapor	191	Indonesia	234	Indonesia	107

Nguồn: Trích từ số liệu của JETRO, phát hành năm 2002,2003,2004.

**Bảng 3. Kim ngạch ngoại thương Hàn Quốc-Nhật Bản từ 1991 đến 2004**

Đơn vị tính: triệu USD: %

Năm	XUẤT KHẨU			NHẬP KHẨU			CÂN CÂN MẬU DỊCH	
	Toàn bộ	Xuất khẩu sang Nhật	tỉ lệ sang Nhật	Toàn bộ	Nhập khẩu của Nhật Bản	tỉ lệ của Nhật Bản	Tổng cán cân mậu dịch	Cán cân mậu dịch với Nhật Bản
1991	71.870 (10,5)	12.356 (-2,2)	17,1	81.525 (16,7)	21.120 (13,7)	25,9	-9.655	-8.764
1992	76.632 (6,6)	11.599 (-6,1)	15,1	81.775 (0,3)	19.458 (-7,9)	23,7	-5.413	-7.856
1993	82.236 (7,3)	11.564 (-3,0)	14,0	83.800 (2,5)	20.016 (2,9)	23,8	-1.546	-8.452
1994	96.013 (16,8)	13.523 (16,9)	14,0	102.384 (22,1)	25.390 (26,8)	24,8	-6335	-11.867
1995	125.058 (30,3)	17.049 (26,1)	13,6	135.119 (32,0)	32.606 (28,4)	24,1	-10.061	-15.557
1996	129.715 (3,7)	15.767 (-7,5)	12,1	150.339 (11,3)	31.499 (-3,5)	20,9	-20.624	-15.682

1997	136.164 (5,0)	14.771 (-6,3)	10,8	144.616 (-3,8)	27.097 (-11,3)	19,2	-8.452	-13.136
1998	132.313 (-2,8)	12.238 (-17,1)	11,8	93.282 (-35,5)	16.840 (39,7)	13,2	3.9031	-4.602
1999	143.685 (8,6)	15.862 (29,6)	11,0	119.752 (28,4)	24.142 (43,4)	20,2	23.933	-8.280
2000	172.268 (19,9)	20.466 (29,0)	11,9	160.481 (34,0)	31.828 (31,8)	19,8	11.786	-11.362
2001	150.439 (-12,7)	16.506 (-19,4)	11,0	141.098 (-12,1)	26.663 (-16,3)	18,9	9.341	-10.127
2002	162.471 (8,0)	15.143 (-8,3)	9,3	152.126 (7,8)	29.858 (12,1)	19,6	10.344	-14.713
2003	193.817 (19,3)	17.276 (14,1)	8,9	178.827 (17,6)	36.313 (21,6)	20,3	14.991	-19.037
2004	253.845	21.707		224.463	46.144		29.382	-24,4

Nguồn: Trích từ Sách trắng ngoại thương hàng năm của Nhật Bản.

\* Chú thích: con số trong ngoặc biểu thị mức tăng, giảm so với năm trước.

Qua bảng trên ta thấy, trừ hai năm 1997 và 1998 kim ngạch ngoại thương giữa Nhật Bản và Hàn Quốc bị giảm sút mạnh (chỉ còn 29.078 tỷ USD) do chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á, thì nhìn chung ngoại thương giữa hai nước đều gia tăng hàng năm. Ví dụ, vào năm 1991 kim ngạch ngoại thương Nhật-Hàn mới là 33,476 tỷ USD thì đến năm 2004 đã lên tới 67,846 tỷ USD tăng gấp hơn hai lần so với năm 1991.

Khi xem xét ngoại thương giữa hai nước ta thấy nổi lên mấy đặc điểm sau:

*Thứ nhất*, Hàn Quốc luôn luôn ở trong tình trạng nhập siêu của Nhật Bản. Theo tính toán của các nhà kinh tế Hàn Quốc, liên tục từ năm 1965 đến nay không một năm nào Hàn Quốc không nhập siêu của Nhật Bản, và tổng kim ngạch thâm hụt thương mại của Hàn Quốc với Nhật Bản từ năm 1965 đến năm 2004 là 206,5 tỷ

USD. Như thấy ở bảng trên, kim ngạch ngoại thương của Hàn Quốc với Nhật Bản càng lớn thì thâm hụt càng lớn, có nghĩa là kim ngạch thâm hụt ngoại thương của Hàn Quốc tỷ lệ thuận với kim ngạch ngoại thương với Nhật Bản. Điều này càng rõ hơn khi xem xét tổng thể ngoại thương của Hàn Quốc. Chẳng hạn, từ năm 1998 là năm Hàn Quốc bắt đầu có được thặng dư thương mại trong cán cân ngoại thương với toàn thế giới và cho tới nay thì con số này đều nằm trong khuynh hướng gia tăng hàng năm. Ví dụ, năm 1998 con số thặng dư này mới chỉ đạt 3,90 tỷ USD thì đến năm 2003 con số này đã lên tới 14,99 tỷ USD, tăng gần 4 lần. Ngược lại, nếu kim ngạch ngoại thương Nhật-Hàn năm 1991 là 33,47 tỷ USD thì Hàn Quốc nhập siêu là 8,76 tỷ USD, nhưng đến năm 2004 khi kim ngạch thương mại đạt 67,845 tỷ USD thì kim ngạch nhập siêu cũng lên đến 24,4 tỷ USD. Trái lại, đối với hai bạn hàng

quan trọng khác là Mỹ và Trung Quốc thì tình hình ngược lại. Nếu năm 1987 thâm hụt ngoại thương của Hàn Quốc với Mỹ là 9,7 tỷ USD thì từ đầu những năm 1990 Hàn Quốc lại trở thành nước xuất siêu. Năm 2004 Hàn Quốc đã xuất siêu sang Mỹ 14,126 tỷ USD. Thặng dư thương mại với Trung Quốc còn lớn hơn, năm 2004 Hàn Quốc xuất siêu đối với Trung Quốc là 20,178 tỷ USD.

Thứ hai, trong cơ cấu ngoại thương giữa hai nước thì Hàn Quốc xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu sang Nhật Bản là các mặt hàng thuộc lĩnh vực gia công như điện tử, điện máy, sản phẩm của ngành công nghiệp nhẹ và sản phẩm ngành công nghiệp nặng v.v... Ví dụ, năm 2003 kim ngạch xuất khẩu các mặt

hàng gia công sang Nhật chiếm tới 70%, trong đó sản phẩm công nghiệp nặng đạt trên 10 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu hàng điện tử và chất bán dẫn cũng đạt xấp xỉ 10 tỷ USD (xem thêm bảng 4). Phía Nhật Bản xuất khẩu sang Hàn Quốc các mặt hàng như thiết bị và nguyên vật liệu sản xuất, đặc biệt là sản phẩm ngành công nghiệp nặng. Ví dụ, năm 2003 trong tổng số kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản là 36,313 tỷ USD thì kim ngạch nhập khẩu tư liệu sản xuất đã chiếm tới 21,510 tỷ USD, tư liệu sản xuất là 12,7 tỷ USD và tiếp đến là các mặt hàng về điện tử và bán dẫn chiếm trên dưới 15% kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản.

**Bảng 4. Cơ cấu các mặt hàng xuất, nhập khẩu giữa hai nước**

Đơn vị: Triệu USD

**A. Các mặt hàng Hàn Quốc xuất khẩu sang Nhật Bản**

	Kim ngạch	Lương thực và các mặt hàng khác	Nguyên vật liệu	Hàng công nghiệp nhẹ	Sản phẩm tơ sợi	Hàng công nghiệp nặng	Sản phẩm sắt thép	Máy móc chính xác	Điện, điện tử	Chất bán dẫn
1996	15.766,8	1.836,1	1.927,2	3.827,9	1.967,8	8.130,6	1.457,8	1.128,2	2.739,5	2.250,5
1997	14.771,2	1.652,6	1.912,4	2.933,7	1.408,4	8.272,4	1.577,4	1.080,9	2.571,6	2.006,4
1998	12.237,6	1.606,1	1.541,4	2.416,8	958,2	6.673,2	1.606,0	1.017,7	2.380,3	1.605,4
1999	15.862,4	2.016,6	2.263,8	2.798,4	1.112,7	8.783,7	1.667,7	1.570,2	3.921,4	1.876,9
2000	20.466,0	1.748,2	3.885,6	2.979,7	1.076,5	11.852,5	1.957,6	1.355,0	6.296,3	2.773,5
2001	16.508,8	1.465,3	3.327,7	2.384,6	804,0	9.328,1	1.590,7	1.340,2	4.545,3	1.978,0
2001	15.143,7	1.327,3	2.598,3	2.102,6	604,1	9.115,0	1.365,1	1.285,7	4.484,8	2.598,9
2003	17.276,1	1.306,5	2.892,0	2.080,0	481,2	10.997,2	1.744,1	1.604,5	5.296,2	3.191,1

**B. Các mặt hàng nhập khẩu từ Nhật Bản**

	Kim ngạch nhập khẩu	Hàng tiêu dùng	Nguyên liệu	Sản phẩm hoá học	Sắt thép	Máy móc	Các loại máy	Máy cơ khí chính xác	Điện, điện tử	Chất bán dẫn
1996	15.766,8	1.836,1	1.927,2	3.827,9	1.967,8	8.130,6	1.457,8	1.128,2	2.739,5	2.250,5
1997	14.771,2	1.652,6	1.912,4	2.933,7	1.408,4	8.272,4	1.577,4	1.080,9	2.571,6	2.006,4
1998	12.237,6	1.606,1	1.541,4	2.416,8	958,2	6.673,2	1.606,0	1.017,7	2.380,3	1.605,4
1999	15.862,4	2.016,6	2.263,8	2.798,4	1.112,7	8.783,7	1.667,7	1.570,2	3.921,4	1.876,9

2000	20.466,0	1.748,2	3.885,6	2.979,7	1.076,5	11.852,5	1.957,6	1.355,0	6.296,3	2.773,5
2001	16.508,8	1.465,3	3.327,7	2.384,6	804,0	9.328,1	1.590,7	1.340,2	4.545,3	1.978,0
2001	15.143,7	1.327,3	2.598,3	2.102,6	604,1	9.115,0	1.365,1	1.285,7	4.484,8	2.598,9
2003	17.276,1	1.306,5	2.892,0	2.080,0	481,2	10.997,2	1.744,1	1.604,5	5.296,2	3.191,1

Nguồn: trích từ trang Web: [www.onekoreanews.net](http://www.onekoreanews.net)

Thứ ba, các mặt hàng xuất khẩu của Hàn Quốc đều là những mặt hàng nhập khẩu nguyên liệu của Nhật Bản rồi ra công xuất khẩu. Hay nói cách khác các mặt hàng xuất khẩu chính của Hàn Quốc tăng tất yếu sẽ kéo theo nhập khẩu từ Nhật Bản những nguyên liệu sản xuất các mặt hàng đó tăng. Do đó, Hàn Quốc khó có thể cắt giảm các mặt hàng nhập khẩu từ Nhật Bản để cắt giảm thâm hụt.

### Vậy để giải quyết tình trạng trên Hàn Quốc phải làm như thế nào?

Người ta thường nghe thấy từ các nhà lãnh đạo đến các nhà kinh tế Hàn Quốc phàn nàn về thâm hụt cán cân thương mại với Nhật Bản ngày càng lớn và yêu cầu Nhật Bản phải tăng đầu tư trực tiếp để giảm bớt những thiệt hại do thâm hụt ngoại thương gây ra. Tuy nhiên, Hàn Quốc không thể chỉ trông chờ vào Nhật Bản gia tăng đầu tư mà bản thân Hàn Quốc cần phải thay đổi lại cơ cấu ngành sản xuất của mình. Đó là bởi vì sau khi bình thường hoá quan hệ ngoại giao, Nhật Bản đã viện trợ kinh tế và các khoản vay khác cho Hàn Quốc. Cùng với các khoản tiền này là sự chuyển giao kỹ thuật sản xuất và tư liệu sản xuất chảy vào Hàn Quốc. Có thể nói, điều này đã góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng tương đối nhanh. Song chính đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng ngành công nghiệp của Hàn Quốc phụ thuộc vào việc nhập khẩu nguyên, vật

liệu của Nhật Bản. Như một nhà nghiên cứu của Hàn Quốc thừa nhận, “ Trong quá trình công nghiệp hoá, Hàn Quốc đã dựa theo mô hình nhập kỹ thuật, linh kiện và tiền vốn của nước ngoài (mà chủ yếu là của Nhật Bản), sau đó gia công ở trong nước rồi xuất khẩu. Việc đầu tư thiết bị như nhà xưởng, máy móc công nghiệp cũng dựa vào nhập khẩu từ Nhật Bản. Do cơ cấu ngành sản xuất được xây dựng nghiêng về các tập đoàn và xí nghiệp lớn và các xí nghiệp vừa và nhỏ là nơi gánh vác sản xuất tư liệu sản xuất cũng chưa thực sự lớn mạnh càng làm tăng nhu cầu nhập khẩu của Nhật Bản. Vấn đề tồn tại cơ cấu là để mở rộng xuất khẩu sản phẩm của mình, Hàn Quốc buộc phải mở rộng nhập khẩu tư liệu sản xuất và vật tư trung gian của Nhật Bản giống như việc Hàn Quốc được gọi là “nền kinh tế chân nuôi” của Nhật Bản”\*. Chính vì vậy để giải quyết thâm hụt cán cân thương mại Hàn Quốc phải thay đổi lại cơ cấu ngành sản xuất chứ không phải là trông chờ vào đầu tư trực tiếp của Nhật Bản.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách trắng đầu tư và ngoại thương Nhật Bản, năm 2002.
2. Số liệu của JETRO, phát hành năm 2002, 2003, 2004.
3. Web: [www.onekoreanews.net](http://www.onekoreanews.net)

\* Sdd: [www.onekoreanews.net](http://www.onekoreanews.net)